TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 06/03/2020
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Bính.

2. Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 6 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lệ G – sinh năm 1982; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 6, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1981; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 6, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và nguyên đơn là chị Trần Thị Lệ G trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hơn hợp pháp với nhau ngày 24 tháng 12 năm 2003 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng nhau tại xóm 6, xã C và và vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T chơi bời cờ bạc và có dư luận về về việc anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không lo toan cho cuộc sống của gia đình con cái. Bản thân chị G đã nín nhịn và bỏ qua cho anh T

nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã bỏ đi làm ăn và vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn một năm nay. Không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh có ba con chung cháu Nguyễn Hồng S, sinh ngày 08 tháng 06 năm 2005, cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 31 tháng 5 năm 2007 và cháu Nguyễn Trần Như Y sinh ngày 26 tháng 9 năm 2016. Hiện các cháu đang ở cùng với anh T. Tại đơn khởi kiện chị đề nghị Tòa án giao cả ba cháu S, N, Y cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Tuyến có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Quá trình hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án, chị Giang thay đổi về vấn đề giao con sau khi ly hôn. Chị G đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Trần Như Y cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và giao hai cháu Nguyễn Hồng S và Nguyễn Hải N cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T đã tự thỏa thuận phân chia sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị Lệ G có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND Thị trấn B, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Xóm 6, xã C và chung sống hạnh phúc một thời gian dài thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống vợ chồng đã nhiều lần cãi cọ nhau, mặt khác chị G có biểu hiện quan hệ tình cảm không rõ ràng với người đàn ông khác. Khi anh T có nghi ngờ về vấn đề biểu hiện tình cảm của chị G nên đã góp ý nhưng chị G không thừa nhận và cũng không thay đổi. Đầu năm 2019 do anh đi uống rượu say và về nhà muộn vợ chồng có cãi chửi nhau thì chị G đã kiếm cớ bỏ nhà cửa, con cái và đi không về. Anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay và không có liên lạc được với nhau nữa. Mặc dù trong cuộc sống vợ chồng anh chị cũng có mâu thuẫn cãi chửi nhau và sống ly thân nhau một năm nay nhưng anh vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh không nhất trí ly hôn. Trong trường hợp chị G cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con chung cháu Nguyễn Hồng S, sinh ngày 08 tháng 06 năm 2005, cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 31 tháng 5 năm 2007 và cháu Nguyễn Trần Như Y sinh ngày 26 tháng 9 năm 2016. Một năm nay chị G bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân các cháu do anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trong trường hợp vợ chồng anh phải ly hôn anh nhận nuôi cả ba cháu Nguyễn Hồng S, Nguyễn Hải N và Nguyễn Trần Như Y và anh không yêu cầu chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh đã thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ do vậy nay ly hôn anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Hồng S và cháu Nguyễn Hải N thì nguyện vọng các cháu muốn ở với mẹ là chị Trần Thị Lệ G để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng cá c quy định của Bộ luật Tố tụ ng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy đị n h tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chấp hành và thực hiện đúng chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy đị n h tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết v ụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Lệ G ly hôn anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Lệ G chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Như Y. Giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng S và cháu Nguyễn Hải N. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và cóp quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Trần Thị Lệ G nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Lệ G có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại: Xóm 6, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị Trần Thị Lệ G, chị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lệ G và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 12 năm 2003 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Lệ G và anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 6, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do hai bên không tin tưởng mà luôn nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Cả chị G và anh T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và chị G đã bỏ nhà đi gần một năm nay. Chị G giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T. Về phía anh T vì vấn đề con cái nên anh không nhất trí ly hôn anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nhưng bản thân anh T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chị G không về nhà và không tạo cơ hội cho anh dẫn đến anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.Tòa án đã hòa giải để chị G và anh T về đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân gia đình chị G cung cấp có xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thì: Chị G, anh T chung sống với nhau có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm và điều kiện công việc làm ăn của hai người. Từ đầu năm 2019 cho đến nay chị G đi tìm công việc khác và về nhà mẹ đẻ ở. Hai anh chị đã sống ly thân nhau hơn một năm nay, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C thể hiện: Chị G và anh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm 6, xã C, huyện K. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn và có dư luận quần chúng cho rằng anh chị mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm. Từ đầu năm 2019 chị G bỏ chồng con đi làm ăn xa, ở nhà hiện chỉ có anh T ở chăm nom các con. Chị G không ở cùng với anh T nữa. Nay anh chị xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị G và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị G và anh T có ba con chung cháu Nguyễn Hồng S, sinh ngày 08 tháng 06 năm 2005, cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 31 tháng 5 năm 2007 và cháu Nguyễn Trần Như Y sinh ngày 26 tháng 9 năm 2016, các cháu đang ở cùng với anh T. Qua các buổi làm việc tại Tòa án anh T muốn nuôi dưỡng cả ba cháu N, S, Y và không yêu cầu chị G cấp dưỡng. Việc anh T yêu cầu nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu chị Giang cấp dưỡng sẽ không đảm bảo được quyền lợi của các con. Chị G có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng cháu Y vì cháu là con gái lại còn nhỏ và chị G nhất trí để hai cháu S và N cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Xét điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn giữa chị G và anh T là như nhau, căn cứ vào tình hình thực tế thì từ khi chị G bỏ đi anh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con và đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, không có điều tiếng gì xảy ra. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của các con nên

giao hai cháu N và S cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Y cho chị G chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con. Là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Lệ G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lệ G và anh Nguyễn Văn T được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng S, sinh ngày 08 tháng 06 năm 2005 và cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 31 tháng 5 năm 2007 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống. Giao cháu Nguyễn Trần Như Y sinh ngày 26 tháng 9 năm 2016 cho chị Trần Thị Lệ G chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống.

Hai bên không có nghĩa vụ cấp đưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Lệ G phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003171 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND thị trấn B, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh